TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 485/2021/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 22 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 444/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu: Ông **Đ. N. T**, sinh năm 1988;
Cư trú: 9.26 Lô G khu dân cư M, Phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà **N. T. M. P**, sinh năm 1990;
Cư trú: 9.26 Lô G khu dân cư M, Phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/4/2021, thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2014, quyển số 01/2014, ngày 21/4/2014 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đ. N. T và bà N. T. M. P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau, nên đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Ông T và bà P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Theo bản sao trích lục khai sinh số 124/TLKS-BS, ngày 21/3/2016 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Đ. M. T, sinh ngày 19/01/2016 (nữ) có đăng ký khai sinh số 110, ngày 21/3/2016; Theo bản sao trích lục giấy sinh số 252/TLKS-BS, ngày 28/4/2018 do Ủy ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Đ. N. Đ. D, sinh ngày 03/02/2018 (nam) có đăng ký khai sinh số 117, ngày 24/4/2018 đều thể hiện mẹ là bà N. T. M. P và cha là ông Đ. N. T. Bà P và ông T thỏa thuận giao cho bà P là người trực tiếp giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên con tên Đ. M. T, Đ. N. Đ. D. Ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 3/2021 cho đến khi con trưởng thành.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, ông Đ. N. T và bà N. T. M. P phải chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ. N. T và bà N. T. M. P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn 49/2014, quyển số 01/2014, ngày 21/4/2014 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đ. N. T và bà N. T. M. P hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Đ. M. T, sinh ngày 19/01/2016; Đ. N. Đ. D, sinh ngày 03/02/2018. Ông Đ. N. T và bà N. T. M. P thỏa thuận giao cho bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Đ. M. T, Đ. N. Đ. D. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 03/2021 cho đến khi con trưởng thành.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Đ. N. T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Đ. M. T, Đ. N. Đ. D; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Đ. N. T và bà N. T. M. P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0089442 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Thảo